

Số: 07/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới năm 2023 tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XIX
KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình
mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 2287/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ Về việc công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu
thuộc tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I
thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân
sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn
ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03
chương trình mục tiêu quốc gia;*

Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2527/QĐ-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025 và năm 2022;

Căn cứ các Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Xét Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết phân bổ kế hoạch vốn (đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 18/BC-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 tỉnh Tuyên Quang, như sau:

Tổng kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giao: 196.448 triệu đồng, trong đó:

1. Vốn đầu tư phát triển: 154.480,0 triệu đồng, cụ thể:

1.1. Kế hoạch phân bổ vốn thực hiện Chương trình năm 2023: 139.032,0 triệu đồng, trong đó:

a) Vốn phân bổ theo huyện - thành phố, trong đó:

- Huyện Lâm Bình: 3.233,3 triệu đồng.

- Huyện Na Hang: 4.311,1 triệu đồng.

- Huyện Chiêm Hoá: 17.244,3 triệu đồng.

- Huyện Hàm Yên (gồm vốn hỗ trợ theo hệ số huyện): 31.255,2 triệu đồng.

- Huyện Yên Sơn: 31.255,2 triệu đồng.

- Huyện Sơn Dương: 46.344,1 triệu đồng.

- Thành phố Tuyên Quang: 5.388,8 triệu đồng.

b) Vốn phân bổ theo nội dung đầu tư, trong đó:

- Hoàn trả vốn cho 45 công trình đã đầu tư xây dựng tại 06 huyện, thành phố năm 2021-2022: 59.399,0 triệu đồng.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới 64 công trình tại 07 huyện, thành phố năm 2023: 79.633,0 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu số 01, 02 kèm theo)

1.2. Vốn dự phòng chưa phân bổ (không quá 10%): 15.448,0 triệu đồng, để thực hiện các nội dung: Triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai thực hiện các chương trình chuyên đề được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; triển khai thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong quá trình triển khai Chương trình.

2. Vốn sự nghiệp: 41.968,0 triệu đồng, cụ thể:

2.1. Phân bổ cho các huyện, thành phố: 34.480,846 triệu đồng, trong đó:

- Huyện Lâm Bình: 2.826,0 triệu đồng.
- Huyện Chiêm Hóa: 5.832,0 triệu đồng.
- Huyện Na Hang: 5.658,596 triệu đồng.
- Huyện Hàm Yên: 5.598,0 triệu đồng.
- Huyện Yên Sơn: 6.014,0 triệu đồng.
- Huyện Sơn Dương: 4.806,250 triệu đồng.
- Thành phố Tuyên Quang: 3.746,0 triệu đồng.

2.2. Phân bổ cho các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh: 7.487,154 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu số 03 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp chuyên đề lần thứ 4 thông qua ngày 28 tháng 02 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (D).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

**Phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang năm 2023
(Hoàn trả, bổ sung vốn năm 2021 - 2022)**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

ĐVT: Triệu đồng

TT	Huyện, thành phố	Đơn vị tính (công trình)	Kế hoạch hoàn trả, bổ sung vốn năm 2021, 2022	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	TỔNG CỘNG	45	59.399,0	
1	Huyện Lâm Bình	1	187,0	
2	Huyện Chiêm Hoá	7	9.306,0	
3	Huyện Hàm Yên	12	14.230,0	
4	Huyện Yên Sơn	17	20.983,4	
5	Huyện Sơn Dương	7	12.154,6	
6	Thành phố Tuyên Quang	1	2.538,0	

**Phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang năm 2023
(Công trình xây dựng mới)**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Huyện, thành phố	Đơn vị tính (công trình)	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	64	79.633,0	
1	Huyện Lâm Bình	3	3.046,3	
2	Huyện Na Hang	4	4.311,1	
3	Huyện Chiêm Hoá	7	7.938,3	
4	Huyện Hàm Yên	6	17.025,2	
5	Huyện Yên Sơn	15	10.271,8	
6	Huyện Sơn Dương	26	34.189,5	
7	Thành phố Tuyên Quang	3	2.850,8	

**Kế hoạch phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới năm 2023 tỉnh Tuyên Quang**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán phân bổ	Chia theo nội dung thành phần							
			Thành phần số 02	Thành phần số 03	Thành phần số 06	Thành phần số 07	Thành phần số 08	Thành phần số 09	Thành phần số 10	Thành phần số 11
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Tổng cộng		41.968,000	5.111,883	10.310,910	13.386	6.950	226,049	473,149	280,170	5.229,839
1	Huyện Lâm Bình	2.826	140	500	1.566	300				320
2	Huyện Chiêm Hóa	5.832	950	2.855	1.507	210		90		220
3	Huyện Na Hang	5.658,596	140	1.410,596	2.848	1.000				260
4	Huyện Hàm Yên	5.598	1.570	80	2.783	670				495
5	Huyện Yên Sơn	6.014	1.000	720	1.659	1.840				795
6	Huyện Sơn Dương	4.806,250		864,250	2.407	1.300				235
7	Thành phố Tuyên Quang	3.746	250	1.050	616	1.630		150		50
8	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	15								15
9	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	2.355,728								2.355,728
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.076,883	1.061,883							15
11	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	248,149						233,149		15
12	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	15								15
13	Hội Nông dân tỉnh	480,2		480,2						

STT	Tên đơn vị	Dự toán phân bổ	Chia theo nội dung thành phần							
			Thành phần số 02	Thành phần số 03	Thành phần số 06	Thành phần số 07	Thành phần số 08	Thành phần số 09	Thành phần số 10	Thành phần số 11
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
14	Công an tỉnh	295,170							280,170	15
15	Sở Tư pháp	241,049					226,049			15
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.145,864		2.130,864						15
17	Sở Nội vụ	204,111								204,111
18	Sở Tài chính	20								20
19	Sở Kế hoạch và Đầu tư	20								20
20	Sở Xây dựng	15								15
21	Sở Giao thông vận tải	15								15
22	Sở Công Thương	235		220						15
23	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	15								15
24	Sở Thông tin và Truyền thông	15								15
25	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	15								15
26	Sở Y tế	15								15
27	Sở Tài nguyên và Môi trường	15								15
28	Cục Thống kê tỉnh	15								15
29	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	15								15